TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày 21-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm;

2. Ông Trần Thanh Răng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (LBank);

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, số 109, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Minh D; địa chỉ: Số 418A, Quốc lộ 1, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 167/2019/QĐ-L.HG ngày 26 tháng 3 năm 2019). (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Nhâm Thanh N;

- Bà Trần Thị Thu Đ;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-4-2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B và quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Minh D, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12-01-2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Phòng giao dịch T thuộc Chi nhánh tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là Ngân hàng B) với ông Nhâm Thanh N và bà Trần Thị Thu Đ có ký Hợp đồng tín dụng số 0232180CT003L2. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng B cho ông N, bà Đ vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích là mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay là 60 tháng, tính từ ngày 12-01-2017 đến hết ngày 11-01-2022, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 10,6%/năm, cố định từ ngày 12-01-2017 đến hết ngày 11-01-2018, sau ngày này lãi suất thả nổi theo lãi suất xếp hạng tín dụng của LBank tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của LBank, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản, nguồn trả từ lương, kỳ hạn trả nợ gốc là định kỳ hàng tháng vào ngày 20, trả 60 kỳ, mỗi kỳ trả 2.500.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 20-02-2017, kỳ hạn trả lãi là trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 11-01-2022.

Sau khi vay, ông N và bà Đ trả nợ được 22 kỳ với số tiền gốc và lãi tổng cộng là 83.288.403 đồng. Đến ngày 20-12-2018, 02 người này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đó là không thực hiện đúng định kỳ trả nợ gốc, lãi hàng tháng. Ngân hàng B đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng họ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau khi Ngân hàng B Việt nộp đơn khởi kiện thì ông N và bà Đ có trả thêm tiền vốn được 12.123.836 đồng.

Nay Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà Đ phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-10-2019) bao gồm tiền vốn gốc 82.876.164 đồng, tiền lãi trong hạn 12.499.507 đồng, tiền lãi quá hạn 3.706.499 đồng, tổng cộng 99.082.170 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số 0232180CT003L2 ngày 12-01-2017 (bản chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 12-01-2017 (bản photo); Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0232180CT003L2-KƯ01 ngày 12-01-2017 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 07-3-2018 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11-01-2017 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận địa điểm đăng ký kinh doanh cấp ngày 19-9-2017 (bản chứng thực); Quyết định số 666/2013/QĐ-HĐQT ngày 09-12-2013 của Ngân

hàng B, V/v: Bổ nhiệm đối với ông Nguyễn Thanh P (bản chứng thực); Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20-6-2017 của Ngân hàng B, V/v: Ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh (bản chính); Quyết định số 167/2019/QĐ-LBank.HG ngày 26-3-2019 của Ngân hàng B - Chi nhánh Hậu Giang, V/v: Ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Ngô Minh D (bản chính); 02 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nhâm Thanh N và Trần Thị Thu Đ (bản photo); Sổ hộ khẩu gia đình, họ tên chủ hộ Nhâm P (bản photo) và bảng kê tính lãi vay đến ngày 21-10-2019 của khách hàng Trần Thị Thu Đ (bản chính).

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 17-7-2019 của Tòa án, bị đơn bà Trần Thị Thu Đ trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Nhâm Thanh N (chồng bà) có vay tiền và còn nợ Ngân hàng B tại Phòng giao dịch T, thuộc Chi nhánh tỉnh Hậu Giang đúng như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng B trình bày. Do điều kiện khó khăn nên vợ chồng bà không trả nợ đúng hạn như thỏa thuận. Nay bà đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Tuy nhiên, vợ chồng bà không có khả năng để trả nợ ngay một lần nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng, khi nào có thu nhập nhiều hơn thì sẽ trả nhiều hơn cho đến khi dứt nợ.

Đối với bị đơn ông Nhâm Thanh N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông biết, nhưng ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông N hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho ông biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ngô Minh D đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn các bị đơn ông Nhâm Thanh N, bà Trần Thị Thu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng B cung cấp, giao nộp, cũng như sự thừa nhận của bà Đ thì việc khởi kiện của Ngân hàng B đối với ông N, bà Đ là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nhâm Thanh N và bà Trần Thị Thu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc ông N, bà Đ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt đối với hai người này.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng B) ký Hợp đồng tín dụng, cho ông N, bà Đ vay tiền với mục đích là mua sắm đồ gia dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà Đ trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hai người này trả tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng B với các bị đơn ông N và bà Đ là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và các bị đơn có cùng địa chỉ cư trú ở ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, về việc yêu cầu ông N, bà Đ trả tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-10-2019) bao gồm tiền vốn gốc là 82.876.164 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.499.507 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.706.499 đồng, tổng cộng là 99.082.170 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-10-2019) cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng số 0232180CT003L2 ngày 12-01-2017 thì, ông N và bà Đ nhận tiền vay của Ngân hàng B là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 12-01-2017, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 10,6%/năm, cố định từ ngày 12-01-2017 đến hết ngày 11-01-2018, sau ngày này lãi suất thả nổi theo lãi suất xếp hạng tín dụng của LBank tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của LBank, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, không có thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay và nguồn trả là từ lương; kỳ hạn trả nợ gốc là định kỳ hàng tháng vào ngày 20, trả 60 kỳ, mỗi kỳ trả 2.500.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 20-02-2017, kỳ hạn trả lãi là trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 11-01-2022. Sau khi vay, ông N, bà Đ đã trả tiền vốn và lãi được 22 kỳ với số tiền là 83.288.403 đồng. Đến ngày 20-12-2018, ông N, bà Đ không trả nợ gốc và lãi hàng tháng nữa, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi Ngân hàng B khởi kiện, ông N, bà Đ đã trả thêm tiền vốn được 12.123.836 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N,

bà Đ còn nợ Ngân hàng B tiền vốn gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn như đã nêu trên.

[5] Theo Án lệ số 08/2016/AL về giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay"*.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc ông N, bà Đ phải cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng B tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-10-2019) gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán là 82.876.164 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.499.507 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.706.499 đồng, tổng cộng là 99.082.170 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 22-10-2019), hai người này còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0232180CT003L2 ngày 12-01-2017, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là có căn cứ.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ có yêu cầu Ngân hàng B cho vợ chồng bà được trả nợ mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng B không đồng ý và vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, mà thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được chấp nhận toàn bộ nên ông N, bà Đ phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.082.170 đồng x 5% = 4.954.108,5 đồng, làm tròn số là 4.954.108 đồng, còn Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B (LBank). Buộc ông Nhâm Thanh N và bà Trần Thị Thu Đ cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B (LBank), tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-10-2019), bao gồm các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 82.876.164 đồng (Tám mươi hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng);

- Tiền lãi trong hạn: 12.499.507 đồng (Mười hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm lẻ bảy đồng);

- Tiền lãi quá hạn: 3.706.499 đồng (Ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Tổng cộng là 99.082.170 đồng (Chín mươi chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm bảy mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-10-2019), ông Nhâm Thanh N và bà Trần Thị Thu Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0232180CT003L2 ngày 12-01-2017, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 0232180CT003L2 ngày 12-01-2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B (LBank), thì lãi suất mà ông Nhâm Thanh N và bà Trần Thị Thu Đ phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần B (LBank).

3. Án phí:

- Ông Nhâm Thanh N và bà Trần Thị Thu Đ phải cùng liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.954.108 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn một trăm lẻ tám đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần B (LBank) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.503.948 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003683 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm